

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2024
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨ SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thế Hải

2. Ông Nguyễn Văn Tòng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phùng Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2024, tại hội trường xét xử TAND Thị xã Nghi Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hữu K - Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước

- **Bị đơn:** Chị Đỗ Thị D - Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn phượng C, xã Th, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Cả hai bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Hữu K trình bày:

Tôi và chị D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa vào ngày

15/11/1991. Sau khi kết hôn, tôi vào Nam sống và làm việc, còn chị D ở nhà; khi cưới cả 2 đều làm nghề tự do. Hàng năm tôi vẫn thường xuyên đi về thăm vợ con.

Đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình khác nhau, chị D không tin tưởng tôi nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình cảm của vợ chồng. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không thể cải thiện được. Từ năm 2002 đến nay chúng tôi không nói chuyện, liên lạc điện thoại với nhau nữa. Hoàn toàn ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, ai lo phận người đó.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn này xin được ly hôn với chị D .

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Đỗ Thị D trình bày:**

Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh K khai là đúng. Sau khi kết hôn anh K đi làm nghĩa vụ quân sự từ năm 1992 đến 1995 hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương, anh K đi học đại học tại trường đại học Tây Nguyên, còn chị ở tại địa phương để nuôi con. Sau khi ra trường anh K làm hợp đồng, sau đó được biên chế là sỹ quan quân đội ở binh đoàn 16 tại tỉnh Bình Phước và binh đoàn làm xây dựng kinh tế bộ quốc phòng đóng quân và làm việc tại các tỉnh Tây Nguyên. Trong thời gian này anh K quan hệ và chung sống với người phụ nữ khác (tôi không biết tên, tuổi) anh K đã có con với họ. Do đó từ năm 2001 đến nay kể từ ngày chị sinh cháu thứ 2 anh K không quan tâm đến mẹ con chị. Năm 2020 khi cháu thứ nhất xây dựng gia đình thì con trai chị phải gửi tiền vào anh K mới về dự đám cưới. Trong suốt thời gian dài nuôi con đến nay là 20 năm, anh K không quan tâm đến mẹ con chị. Nay chị mong muốn anh K quay lại để con có mẹ có bố, còn nếu anh K vẫn xác định không còn tình cảm với chị và K quyết ly hôn thì chị cũng hoàn toàn nhất trí.

2. Về con chung: Cả anh K và chị D đều thống nhất trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là:

Nguyễn Hữu C – Sinh ngày: 28/5/1992

Nguyễn Hữu L – Sinh ngày: 20/10/2001

Các cháu hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Cả anh K và chị D đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2023 của Tòa án thì ông Nguyễn Hữu L - là trưởng thôn Phụng Cát, xã Thanh Thủy nơi chị D và các con sinh sống từ trước đến nay cho biết: Chị D và anh K có đăng ký kết hôn, anh K là bộ đội ít khi ở nhà, chị D và anh K chưa thấy có mâu thuẫn lớn nào mà địa phương phải can thiệp. Nhưng theo ông nắm bắt thông tin thì cho đến nay khoảng 20 năm anh K không quan tâm đến mẹ con chị D. Còn tình cảm của vợ chồng mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ông không nắm bắt được.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu K đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Bị đơn là chị Đỗ Thị D không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với chị D. Tuy nhiên tại phiên tòa có mặt chị D .

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu K và chị Đỗ Thị D .

-Về con chung: Các con chung của anh, chị đều đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về tài sản: Anh K và chị D đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

- Án phí: Buộc anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu K và Chị Đỗ Thị D là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ anh, chị tự do tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/11/1991. Anh K và chị D đã thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Mỗi người nài ra một nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã K trì hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mỗi người một nơi. Cho đến nay đã hơn 20 năm vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, ai lo phận người đó và hoàn toàn cắt đứt về mặt tình cảm. Tại phiên tòa cả anh K và chị D đều xác định tình cảm của vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều thống nhất ly hôn. Do đó căn cứ Điều 55 luật Hôn nhân Gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu K và chị Đỗ Thị D .

[3] Về con chung: Cả anh K và chị D đều thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là:

Nguyễn Hữu C – Sinh ngày: 28/5/1992

Nguyễn Hữu L – Sinh ngày: 20/10/2001

Các cháu hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Anh K và chị D đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, Anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu K và chị Đỗ Thị D .

- Án phí: Anh Nguyễn Hữu K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0012604 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn; Anh K đã nộp đủ án phí theo biên lai nói trên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, anh K tại phiên tòa. Tuyên các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh